

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/CBTT/2019

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Dương Anh Thu**  
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố thông tin (\*):**

- Công bố thông tin: Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2019 – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/03/2019 tại đường dẫn: <http://www.biwase.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT/

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Dương Anh Thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2019**



*Thủ Dầu Một, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
*Ngày 15/03/2019*

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông.
2. Chương trình Đại hội.
3. Thê lệ biểu quyết.
4. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018
5. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.
6. Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2018.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018.
8. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.
9. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2019.
10. Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của Ban điều hành năm 2019.
11. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
12. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty - lần 3 (kèm Phụ lục).
13. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ - lần 1(kèm Phụ lục).
14. Dự thảo Biên bản & Nghị quyết của Đại hội.

-----



*Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2019*

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

**Điều 1: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty được chốt ngày 28/12/2018 (Theo thông báo số 1432/TB-CNVSD của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 28/11/2018 về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2019).

**Điều 2: Đoàn Chủ tịch Đại hội**

Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

**Điều 3: Ban Thư ký Đại hội**

Ban Thư ký gồm 02 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.



#### **Điều 4: Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội gồm 02 người, do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban kiểm tra có nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Báo cáo trước Đại hội tình hình cổ đông đến dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến tham dự, đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

#### **Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội**

- Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách được chốt đến ngày 07/02/2018 hoặc người được ủy quyền (gọi chung là cổ đông) đều có quyền tham dự Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.
- Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương.
- Cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

#### **Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội**

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc tranh luận thì cần giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp với các nội dung, ý kiến khác đã nêu và phù hợp với chương trình Đại hội.

#### **Điều 7: Biểu quyết**

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội được phát **01 Phiếu biểu quyết**, mỗi Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông nắm giữ và phần được ủy quyền (nếu có). Phiếu này dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

#### **\* Hình thức biểu quyết:**

- Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp.

- Ban Thư ký có trách nhiệm tập hợp kết quả biểu quyết: Đồng ý, không đồng ý. Kết quả biểu quyết được tổng hợp và công bố trong Biên bản của Đại hội.

- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi có ít nhất 65% trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội có quyền biểu quyết thông qua.

**Điều 8: Điều khoản chung**

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông này. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý.

Trên đây là Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Thiên*



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Thời gian: **14h00'** ngày **15/03/2017** - Thứ sáu.

Địa điểm: **Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.**

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	- Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu đại hội.	13h30-14h00	Ban tổ chức
2	Khai mạc đại hội - Chào cờ. - Tuyên bố lý do tổ chức đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.	14h00-14h15	Ban tổ chức
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. - Bầu Đoàn chủ tọa, ban thư ký, Ban kiểm phiếu	14h15-14h20	Bà Dương Anh Thư
4	- Thông qua Quy chế làm việc của đại hội. - Thông qua chương trình đại hội. - Thông qua thể lệ biểu quyết	14h20-14h30	Ông Nguyễn Thanh Phong
5	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.	14h30-14h50	Ông Nguyễn Văn Thiên
6	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.	14h50-15h10	Ông Trần Chiến Công
7	Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2018.	15h10 -15h25	Ông Trần Tấn Đức
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018.	15h25-15h40	Bà Dương Anh Thư
9	Đóng góp ý kiến của các cổ đông về các báo cáo và giải đáp tại đại hội.	15h40 – 15h50	Ông Nguyễn Văn Thiên
10	Trao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của các chi nhánh.	15h50 – 15h55	Ông Nguyễn Văn Thiên
	<i>Giải lao</i>	15h55 - 16h10	
11	- Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.	16h10-16h20	Ông Trần Chiến Công
	- Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2019.		Ông Nguyễn Văn Thiên
12	- Thông qua Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2019.	16h20-16h27	Ông Nguyễn Thanh Phong



13	Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	16h27-16h30	Ông Trần Chiến Công
14	Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động (kèm Phụ lục).	16h30-16h35	Bà Dương Anh Thư
15	Thông qua tờ trình và Quy chế quản trị nội bộ (kèm Phụ lục)	16h35-16h40	Bà Dương Anh Thư
16	Thông qua Biên bản đại hội	16h40-16h50	Bà Lê Ngọc Lan Thảo
17	Thông qua Nghị quyết đại hội	16h50-16h55	Ông Nguyễn Văn Thiên
18	Bế mạc Đại hội	16h55-17h00	Ban tổ chức



**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

*Nguyễn Văn Thiên*  
 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 2 năm 2019

## THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

### I/ Mục đích:

Nhằm đảm bảo kết luận một cách chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

### II/ Nguyên tắc biểu quyết:

1. Chính xác, đúng pháp luật, đúng điều lệ.
2. Số phiếu biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
3. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

### III/ Cách tiến hành:

1. Những cổ đông được đăng ký tại Sổ Cổ đông của Công ty vào thời điểm Đại hội được quyền tham gia biểu quyết.
2. Mỗi đại biểu tham dự ĐHĐCĐ có quyền biểu quyết được phát một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các thông tin: Tên cổ đông, Địa chỉ cổ đông và số lượng cổ phần biểu quyết.
3. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa đoàn sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng cách cầm Phiếu biểu quyết đưa lên cao theo các tình trạng sau: Đồng ý, Không đồng ý, Không ý kiến.

### IV/ Kết quả biểu quyết:

1. Kết quả biểu quyết tính theo phần trăm (%) số cổ phần nắm giữ trên vốn điều lệ.
2. Các vấn đề đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được thông qua phù hợp theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp 2014.

### V/ Hiệu lực:

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.



Nguyễn Văn Thiên



Số: 06/BC - HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VỀ QUẢN TRỊ & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/09/2016;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được thông qua ngày 20/03/2018;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương được Đại hội cổ đông thành lập bầu chọn vào ngày 22/09/2016, gồm 7 thành viên. Sau đây, thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên- năm 2019 về công tác quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2018 như sau:

#### **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY**

1. Tên Công ty Đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
2. Tên viết tắt: **BIWASE**
3. Mã chứng khoán: **BWE**
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
5. Điện thoại:+84- 274- 3825172                      Fax: +84-274-3 827738
6. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải, rác thải; kinh doanh các dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.(Một nghìn năm trăm tỷ đồng), số lượng cổ phần là 150.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

*Trong đó:*



- Vốn nhà nước: 615.000.000.000 đồng (Sáu trăm mười lăm tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 41%.
- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 885.000.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi lăm tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 59%.

8. Cơ cấu tổ chức, điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

### 1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 1.891.010 CP (1,26%)
2	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 215.989 CP (0,144%) Đại diện cho Tổng công ty BECAMEX: 61.500.000 CP (41%)
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 21.100CP (0,014%)
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 61.500CP (0,041%)
5	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 0 CP
6	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 1.000.000 CP (0,667%)
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 28/12/2018)

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

#### a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện 24 (hai mươi bốn) cuộc họp HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát và đại diện Ban Giám đốc Công ty. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT trong năm 2018 như sau:

TT	Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	24/24	100%	
2	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	24/24	100%	
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	24/24	100%	
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	24/24	100%	
5	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	23/24	95,8%	Vắng do bận công tác
6	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT	24/24	100%	
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT	24/24	100%	

**b. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

Ngoài các nghị quyết của HĐQT được thông qua tại Biên bản các cuộc họp HĐQT, trong năm 2018, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết về những vấn đề sau:

STT	Số và ký hiệu	Ngày ký	Nội dung
1.	02/NQ-HĐQT	08/01/2018	NQ về việc mua lại cổ phần từ các cổ đông của công ty CP Tái chế Vật liệu Xanh (3R)
2.	04/NQ-HĐQT	08/01/2018	NQ về việc thông qua tạm ứng cổ tức năm 2017 lần 2 bằng tiền mặt, tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018.
3.	06/NQ-HĐQT	11/01/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 2017 và chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
4.	07/BB-HĐQT	23/01/2018	NQ về việc giao dịch tổ chức liên quan người nội bộ - Cty CP tái chế Vật liệu xanh.
5.	08/BB-HĐQT	24/01/2018	NQ về việc chấp thuận chủ trương giao BIWASE mua lại cổ phần Cty CP tái chế Vật liệu xanh từ cổ đông nội bộ & người có liên quan BIWASE
6.	10/NQ-HĐQT	30/01/2018	NQ về việc BIWASE mua lại cổ phần công ty 3R đạt tỷ lệ sở hữu trên 50%
7.	11/BB-HĐQT	23/02/2018	NQ về việc xử lý công văn Cty Quỳnh Phúc-tổ chức liên quan người nội bộ
8.	23/BB-HĐQT	13/03/2018	NQ về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018 của BIWASE
9.	24/BB-HĐQT	20/03/2018	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018



10.	25/NQ-HĐQT	20/03/2018	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
11.	27/CPN.MT/HĐQT	22/03/2018	NQ về việc thông qua chi trả thêm 2% cổ tức bằng tiền mặt của Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương
12.	29/CPN.MT/HĐQT	04/04/2018	NQ về việc thông qua báo cáo hoạt động kinh doanh Quý 1/2018 và BIWASE giao dịch với người nội bộ
13.	32/BB-HĐQT	19/04/2018	NQ về việc BIWASE giao dịch với tổ chức liên quan người nội bộ
14.	33/BB-HĐQT	26/05/2018	NQ về việc thống nhất chủ trương giao dịch với tổ chức liên quan người nội bộ (CTY 3R)
15.	34/BB-HĐQT	18/06/2018	NQ về việc giao dịch với tổ chức liên quan người nội bộ (TDMWater)
16.	39/BB-HĐQT	23/08/2018	NQ về việc thống nhất chủ trương giao dịch với tổ chức liên quan người nội bộ (TDMWater)
17.	44/NQ-HĐQT	26/11/2018	NQ về việc thông qua tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019
18.	50/NQ-HĐQT	24/12/2018	NQ về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của BIWASE

**c. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị**

– Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.

– Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt trong việc thực thi các nội dung nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018 đề ra, các mục tiêu sản xuất kinh doanh luôn được kiểm soát hàng tháng, quý cũng như kịp thời đôn đốc, nhắc nhở ban giám đốc công ty thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các dự án đầu tư có tính chiến lược như dự án thu gom xử lý nước thải, nâng công suất nhà máy nước Tân Hiệp, mở rộng Khu liên hợp xử lý chất thải Bình Dương ... Trong năm, đã khánh thành dự án Khu Liên hợp xử lý chất thải Bình Dương-Giai đoạn 2 (nhà máy thu khí biogas phát điện) vào ngày 10/01/2018) và khánh thành nhà máy XLNT Dĩ An-Công suất 20.000m<sup>3</sup>/ng.đ vào ngày 30/11/2018, đây là những kết quả rất đáng tự hào của chúng ta.

– Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

– Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành các văn bản về những vấn đề nhân sự, điều hành Công ty, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, chuẩn bị nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, định hướng về chiến lược phát triển kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT;

– Đã chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các thủ tục chuyển đổi Xí nghiệp trực thuộc thành chi nhánh nhằm tăng cường năng lực hoạt động cũng như tạo sự chủ động trong công việc



cho các nhà máy, xí nghiệp trực thuộc Công ty (đến thời điểm báo cáo, đã hoàn tất việc chuyển đổi Xí nghiệp xử lý chất thải thành Chi nhánh Xử lý chất thải);

– Thực hiện việc phát hành riêng lẻ trái phiếu năm 2018 của Công ty với tổng giá trị mệnh giá phát hành lên tới 200 tỷ đồng và đã hoàn tất trong tháng 01/2019;

– Chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết để thoái vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty từ 41% xuống còn 25% (đến thời điểm báo cáo, việc thoái vốn đã thực hiện xong);

– Chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp với các Sở ban ngành tham mưu trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương, trong đó, nhân sự chủ chốt là cán bộ của Công ty (đến thời điểm báo cáo, đã có Quyết định của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương);

– Giám sát chặt chẽ công tác quản lý điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định.

– Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

#### **d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và nghị quyết của HĐQT công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của HĐQT đã ban hành về hoạt động của Công ty.

+ Qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

+ Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ.

Ngoài ra, HĐQT quan tâm chỉ đạo và giám sát sâu sát đến các hoạt động như:

+ Tăng cường công tác phát triển khách hàng.

+ Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực, bổ sung kỹ năng làm việc.



- + Quản lý các khoản công nợ và chi phí.
- + Đầu tư nâng cao trình độ khoa học công nghệ áp dụng tại đơn vị.
- + Giải pháp nâng cao năng suất lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất.
- + Chú trọng công tác gìn giữ và nâng cao uy tín, hình ảnh, thương hiệu của công ty.

### **3. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 20/03/2018, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đạt nhiều nội dung kế hoạch đề ra. Hoạt động của Ban Giám đốc được đánh giá mỗi 2 tháng 1 lần và theo định kỳ từng quý, năm cụ thể về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, cụ thể như:

- + Tổng doanh thu đạt: **2.247** tỷ đồng, đạt 110% so với Nghị quyết năm 2018 (2.044 tỷ đồng), tăng 21% so với năm 2017 (1.858 tỷ đồng).
- + Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **313** tỷ đồng.
- + Thất thoát nước trong năm 2018: **5,75%/năm**, giảm 0,35% so với năm 2017 (6,1%).
- + Cổ tức đạt kế hoạch (7%vốn điều lệ).
- + Điều chỉnh thu nhập người lao động ổn định và tăng khoảng 20% so với năm 2017. Trong năm, công ty cũng điều chỉnh cho người lao động có mức thu nhập dưới 6 triệu/ tháng lên >=6 triệu/tháng;
- + Các quỹ đều được trích và sử dụng đúng quy định và ổn định.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: phát triển hệ thống cấp nước ra vùng ven, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng tiến độ và phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng....., triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, và quan trọng hơn hết kết quả kinh doanh năm 2018 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt so với tinh thần và Nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên 2018.

#### **4. Về công tác quản trị tài chính**

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong XDCB thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo qui định của pháp luật.

### **III. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2019**

Với những kết quả đạt được của năm 2018, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò quản trị trong năm 2019 qua việc thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất, kinh doanh, phấn đấu hoàn thành hoặc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, giảm thất thoát nước. Các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

#### **1. Về điều hành quản lý sản xuất:**



- Phối hợp với Tổng công ty BECAMEX thực hiện việc thoái vốn nhà nước lần 2, dự kiến hoàn tất trong Quý I/2019, giảm tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước xuống còn 25%;
- Tiến hành các thủ tục để thành lập BQLDA thoát nước, tạo nền móng, sự nghiệp lâu dài cho ngành thoát nước theo Nghị định 80 của Chính phủ nhằm phát huy sự nghiệp thoát nước;
- Tăng cường công tác nhân sự, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, bán hàng để đáp ứng tương xứng với giá cả dịch vụ cấp nước đã được Ủy ban tỉnh phê duyệt điều chỉnh hàng năm;
- Tiếp tục nghiên cứu hoạt động M&A để trở thành một kênh đầu tư kinh doanh của công ty trong tương lai; khi gặp môi trường tốt sẽ nắm lấy thời cơ để tăng thêm.
- Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, sạch sẽ của chất lượng sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để Bình Dương luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh để mạnh dạn mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa;
- Kiện toàn bộ máy nhân sự cho Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải và giới thiệu nhân sự cho Ban Cấp nước an toàn tỉnh Bình Dương;
- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, mục tiêu đề ra:
  - + Doanh thu tối thiểu đạt 2.500 tỷ đồng.(tăng  $\geq$  10% so với năm 2018)
  - + Lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 330 tỷ đồng.(tăng  $\geq$  10% so với năm 2018)
  - + Cổ tức mong đợi đạt 10%/vốn điều lệ.

## 2. Về dịch vụ cấp nước

- Tiếp tục phát triển thị trường nước sạch, bên cạnh việc đáp ứng tốt nhu cầu nước sạch đô thị, cần tiếp tục phát triển cấp nước tại các vùng ven nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân vùng ven và đáp ứng tiêu chí tỷ lệ cấp nước sạch của đô thị;
- Tự động hóa trong lĩnh vực cấp nước, hoàn thiện việc ghi-đọc chỉ số đồng hồ tự động (từ xa);
- Hoàn thiện hóa đơn điện tử và ứng dụng thu tiền nước qua ngân hàng;
- Trạm bơm nước thô Tân Hiệp phải xong cơ bản trong mùa nắng (kể cả đền bù). Trong năm 2019 tuyến ống D1500 phải đầu nối vào Nam Tân Uyên

## 3. Về dịch vụ xử lý chất thải

- Thực hiện xong công tác đền bù 400ha dự án rác ở Tân Long để làm điểm trung chuyển khi khu xử lý ở Chánh Phú Hòa có quá tải
- Triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyển giao thiết bị xử lý rác;
- Tập trung nghiên cứu hoàn chỉnh lò đốt rác để xử lý triệt để khí dioxin;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh về xử lý rác thải, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Có giải pháp đặt nền móng, đường đi của phân compost đến tay người nông dân một cách ổn định, thông thương bền vững, lâu dài;
- Tiếp tục phát triển kinh doanh gạch xây dựng Con Voi, tìm kiếm, mở rộng thị trường gạch trong thời gian tới;
- 4. **Về dịch vụ thu gom, xử lý nước thải**
  - Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác đầu nối khách hàng đối với nước thải.
  - Thực hiện thanh quyết toán các công trình thoát nước, triển khai thủ tục tiếp nhận bàn giao vận hành hệ thống thoát nước cho phù hợp.
- 5. **Về công tác chống thất thoát nước**
  - Tiếp tục nâng cao công tác chống thất thoát nước bằng các giải pháp, công nghệ tiên tiến;
  - Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức hiện tại hoặc thấp hơn.
- 6. **Về công tác quản lý tài sản**
  - Tiếp tục tổ chức quản lý tài sản thuộc hệ thống thu gom xử lý nước thải và mạng lưới cấp nước;
- 7. **Về triển khai thực hiện các dự án**
  - Thực hiện đúng/vượt tiến độ các dự án Công ty làm Chủ đầu tư;
  - Có chiến lược huy động các nguồn vốn phù hợp như: vốn ODA ít điều kiện (Bộ Tài chính), Quỹ Đầu tư-Phát triển, Quỹ Bảo vệ Môi trường, các ngân hàng có lãi suất cho vay thấp;
  - Tiếp tục tìm nguồn vốn với lãi suất tốt để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh của công ty về cấp nước, rác thải và đầu tư tài chính.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Cty;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thiên**



*Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2019*

## **BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 & PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2019**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

### **I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

#### **1. TỔNG QUAN**

Thực hiện theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, công tác cổ phần hóa đã được công ty triển khai thực hiện theo đúng trình tự và tiến độ quy định. Kể từ ngày 30/9/2016, công ty đã chính thức chuyển hình thức từ công ty TNHH 100% vốn sở hữu của nhà nước thành công ty cổ phần và vừa qua đã tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước, đến nay tỷ lệ vốn nhà nước tham gia 25% và vốn tư nhân 75% vốn điều lệ.

Nhìn chung, trong năm 2018, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản giữ được ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, về mặt kinh tế - xã hội, tình hình đầu tư nói chung vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế, nhất là tại lĩnh vực đầu tư công, tốc độ phục hồi của các doanh nghiệp trong nước còn chậm,...

Về phía Công ty cũng còn một số diễn biến chưa thuận lợi như: chi phí sản xuất nước sạch còn cao do chất lượng nước nguồn có dấu hiệu giảm sút làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, chi phí vốn vay đầu tư ngày càng cao do công ty tăng cường, mở rộng đầu tư mới hệ thống cấp nước trong khi nguồn vốn ODA ngày càng bị hạn chế làm tăng chi phí lãi vay, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, trong năm 2018 được điều chỉnh giá nước sạch phù hợp với tốc độ tăng của chi phí đầu vào và với sức mạnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và với nỗ lực của tập thể CBCNV đã phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao năm 2018.

#### **2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

- Tổng doanh thu thực hiện: **2.247** tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch đề ra tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 (2.044 tỷ đồng), tăng 21% so với năm 2017 (1.858 tỷ đồng).

- Tổng chi phí: **1.895** tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: **351** tỷ đồng, đạt 134% so với nghị quyết đại hội đề ra ( $\geq 262$  tỷ đồng), đạt 148 % so với năm 2017 (238 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **313** tỷ đồng.

## 2.1. Sản xuất kinh doanh nước sạch:

- Doanh thu sản xuất nước: **1.329** tỷ đồng. Đạt **94%** kế hoạch năm 2018 (1.413 tỷ đồng).
- Nước sản xuất: **140.560.031m<sup>3</sup>**, trong đó chiếm 1,52% (2.140.420m<sup>3</sup>) nước tự dùng phục vụ bảo trì, súc xả đường ống và vệ sinh công nghiệp, tăng so với cùng kỳ nguyên nhân do công trình thi công tuyến ống nước thải. Lượng hoá chất sử dụng như vôi, phèn, clor... sử dụng theo quy định, tiêu chuẩn về xử lý nước ăn uống.
- Sản lượng nước tiêu thụ: **131.661.233m<sup>3</sup>**, đạt 91,35% so với kế hoạch năm 2018 (144.126.000m<sup>3</sup>).
- Thất thoát nước trong năm 2018: **5,75%/năm**.
- Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m<sup>3</sup> nước sản xuất là: 0,38 Kw/m<sup>3</sup>.
- Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2018: **31.398** đầu nối, đạt 82 % kế hoạch được giao 38.298 đầu nối và lũy kế tính đến ngày 31/12/2017 đã có 213.724 đầu nối khách hàng, cụ thể thay đổi tại các Xí nghiệp, nhà máy như:

STT	XÍ NGHIỆP/ NM NƯỚC	KHÁCH HÀNG					
		Kinh doanh, dịch vụ	HCSN	Sản xuất	Dân dụng	TỔNG CỘNG	KH LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2018
1	THỦ DẦU MỘT	27	22	21	6.041	6.111	52.910
2	DĨ AN	81	14	32	11.879	12.006	95.536
3	KHU LIÊN HỢP	1	-102	-110	5.608	5.397	37.240
4	TÂN UYÊN	0	13	78	854	945	9.447
5	DẦU TIẾNG	4	-5	-3	141	137	4.527
6	PHƯỚC VĨNH	2	1	-2	132	133	3.056
7	BÀU BÀNG	-2	5	1135	947	2.085	4.396
8	XNCN THUẬN AN	-75	4	5	3.631	3.565	35.220
9	CN CHƠN THÀNH	2	6	55	956	1.019	2.790
	<b>TỔNG</b>	40	-42	1.211	30.189	<b>31.398</b>	<b>245.122</b>
				<b>31.398</b>			

Tính đến cuối năm 2018 công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 4.000 km đường ống cấp nước các loại từ D60 – D1400, trong đó tăng thêm trong năm 2018 đạt 395km, cụ thể như sau:

STT	Tên nhà máy	Tăng trong năm 2018 (m)	Lũy kế đến 31/12/2018 (m)
1	XNCN Khu Liên Hợp	53.132	811.240



2	XNCN Dĩ An	35.876	1.020.407
3	XNCN Thị xã TDM	76.498	1.490.553
4	XNCN Tân Uyên	16.123	208.930
7	XNCN Thuận An	55.315	132.046
8	CNCN Chơn Thành	25.248	150.892
9	Nhà máy nước Bàu Bàng	38.490	80.628
10	Nhà máy nước Phước Vĩnh	0	52.575
11	Nhà máy nước Dầu Tiếng	3.448	52.705
<b>Tổng cộng</b>		<b>304.130m</b>	<b>3.999.976m</b>

## 2.2 Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:

- Doanh thu năm 2018 của xử lý chất thải: **623** tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch được giao năm 2018 (600 tỷ đồng).
- Khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2018 là 891.314,90 tấn và 308.256 m<sup>3</sup> nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.475 tấn/ngày** và 856 m<sup>3</sup>/ngày nước rỉ rác. Phân loại chất thải và chiếm tỷ lệ như: Rác thải sinh hoạt (675.673,89 tấn, chiếm 75,81%), Chất thải công nghiệp không nguy hại (164.241,21 tấn, chiếm 18,43%), Chất thải công nghiệp nguy hại (14.699,63tấn, chiếm 1,65%), Bùn thải và chất thải y tế (36.700,17 tấn chiếm 4,12%).
- Tổng số khách hàng của xí nghiệp xử lý chất thải hiện nay là: **2.305** khách hàng. Trong đó phát triển trong năm 2018 đến nay là 167 khách hàng (đến 31/12/2017 là 2.138 khách hàng)

## 2.3 Công tác thu gom, xử lý nước thải:

Doanh thu năm 2018 của lĩnh vực xử lý nước thải: **51,9** tỷ đồng, đạt 91,8 % kế hoạch được giao 2018 (56,5 tỷ đồng), trong đó:

- Nhà máy xử lý nước thải thành phố Thủ Dầu Một: 32,92 tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.650m<sup>3</sup>/ngày.đêm vào ngày 31/5/3013. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý trong năm 2018: 4.546.072.m<sup>3</sup>, đạt công suất bình quân khoảng **12.544m<sup>3</sup>/ngày đêm**, đạt 82% kế hoạch được giao 15.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2018: 5.363hộ (trong đó tăng trong năm 2018 là 797 hộ)
- Nhà máy xử lý nước thải Thuận An: 18,55 tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.000m<sup>3</sup>/ngày đêm vào ngày 21/04/2017. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý trong năm 2018: 1.809.514m<sup>3</sup>, đạt công suất bình quân khoảng **5.026m<sup>3</sup>/ngày đêm**, đạt 49% kế hoạch được giao 10.247 m<sup>3</sup>/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến nay: 1.533hộ (trong đó tăng trong năm 2018 là 1.030 hộ)
- Nhà máy xử lý nước thải Dĩ An: 2,57 tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm vào ngày 30/11/2018. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý đến tháng 12 năm 2018 ước khoảng: 384.388m<sup>3</sup>, đạt công suất bình quân khoảng **5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm**, đạt 49% kế hoạch được giao 10.247 m<sup>3</sup>/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2018: 65hộ.



## 2.4 Công tác tổ chức, nhân sự:

Đến cuối năm 2018, công ty có tổng số CBCNV là 1.110 người. Trình độ CBCNV công ty như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và Trên Đại học	238	21,44
2	Cao đẳng	78	7,03
3	Trung học	195	17,57
4	Công nhân kỹ thuật	503	45,32
5	Khác	96	8,65
6	<b>Tổng cộng</b>	1.110	100

Trong năm 2018: tăng 72 người so với năm 2017 (1.038 người).

Nhằm tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong hoạt động tại các đơn vị trực thuộc, vừa qua công ty cũng hoàn tất thực hiện chuyển đổi đăng ký thành lập 16 chi nhánh, Như vậy, đến nay công ty có:

+ **17 Chi nhánh** trực thuộc gồm: **9** Chi nhánh Cấp nước: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu liên hợp, Tân Uyên, Thuận An, Bàu Bàng, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh, **1** Chi nhánh Xử lý chất thải, **4** Chi nhánh xử lý nước thải: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An (thành lập mới), Tân Uyên (thành lập mới) ; **1** Chi nhánh tư vấn Cấp thoát nước, **1** Chi nhánh dịch vụ đô thị và **1** Chi nhánh Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE.

+ **4 Ban Quản lý** dự án và **5 phòng** nghiệp vụ: Nhân sự quản trị, Tài chính kế toán, Kế hoạch, Chống Thất Thoát và Phòng Quản lý tài sản.

+ **2 Trung tâm**: Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE và trung tâm quản lý chất lượng nước.

## 2.5 CÔNG TÁC THOẠI VỐN NHÀ NƯỚC:

Thực hiện theo chủ trương số 3421/UBND – KTTH ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về thực hiện công tác thoái vốn nhà nước, đến nay đã hoàn tất thoái vốn nhà nước 16% vốn điều lệ, tương đương 24 triệu cổ phần, giảm tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại từ 41% còn lại 25% vốn điều lệ tại công ty BIWASE với giá chuyển nhượng cổ phần bình quân khoảng 24.200 đồng/cp, tương đương giá trị vốn nhà nước thu về lần này trên 580 tỷ đồng.

## 2.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN

Các công trình đang thực hiện giải ngân trong năm đạt **1.493** tỷ đồng, đạt 97,7% kế hoạch năm 2018 (1.527 tỷ đồng). Nhìn chung, trong công tác xây dựng cơ bản tuy có khó khăn về vốn, về công tác giải tỏa đền bù, hồ sơ phức tạp nhưng cơ bản đạt mục tiêu đề ra, các công trình chủ yếu bao gồm:



Stt	Tên dự án	TMĐT	KH điều chỉnh lần 3 năm 2018				Tình hình giải ngân từ đầu năm 2018 đến 31/01/2019				Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến nay				Ghi chú
			TC	Đối ứng	ODA		TC	Đối ứng	ODA		TC	Đối ứng	ODA		
	<b>Dự án Nước thải</b>	<b>11.885.844</b>	<b>1.499.146</b>	<b>570.788</b>	<b>931.594</b>	<b>1.739.207</b>	<b>673.424</b>	<b>1.065.783</b>	<b>6.821.477</b>	<b>1.472.134</b>	<b>5.349.343</b>				
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn I	2.077.091		3.236		3.236	3.236		2.051.295	251.544	1.799.751				
2	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	6.398.862	996.199	88.199	908.000	991.784	83.863	907.921	3.572.092	484881	3.087.211				
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	2.516.480	163.594	140.000	23.594	202.880	140.000	62.880	466.882	216.566	250.316			KHV năm 2018 Vốn IDA: 23.557 trđ IBRD 39.323 trđ	
4	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An - Thuận An - Tân Uyên	893.411	339.353	339.353		541.307	446.325	94.982	731.208	519.143	212.065			Sử dụng vốn kéo dài 2017: 106.972 trđ	
	<b>Dự án Cấp nước</b>	<b>1.016.464</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>74.882</b>	<b>7.449</b>	<b>67.433</b>	<b>547.814</b>	<b>66.935</b>	<b>480.879</b>				
1	Cấp nước Nam thủ Dầu Một mở rộng công suất 45,000 m <sup>3</sup> /ngđ	1.016.464	2.000	2.000		74.882	7.449	67.433	547.814	66.935	480.879			Sử dụng vốn kéo dài 2017: 9.509 trđ	
	<b>Đền bù</b>	<b>140.287</b>	<b>127</b>	<b>127</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>109.392</b>	<b>109.392</b>	<b>-</b>			<b>-</b>	

1	Tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải khu vực Dĩ An	140.287	127	127	-	-	22.157	22.157	-	109.392	109.392	109.392	109.392	109.392	109.392
	<b>Dự án Thoát nước mưa</b>	<b>678.261</b>	<b>22.195</b>	<b>22.195</b>	<b>-</b>	<b>22.157</b>	<b>22.157</b>	<b>22.157</b>	<b>-</b>	<b>364.034</b>	<b>364.034</b>	<b>364.034</b>	<b>364.034</b>	<b>364.034</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư xây dựng Cải tạo kênh Ba Bò	345.158	655	655		652	652	652		209.201	209.201	209.201	209.201	209.201	
2	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các KCN An Tây - Mai Trung-Việt Hương II	333.103	21.540	21.540		21.505	21.505	21.505		154.833	154.833	154.833	154.833	154.833	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13.720.856</b>	<b>1.523.468</b>	<b>595.110</b>	<b>931.594</b>	<b>1.836.246</b>	<b>703.030</b>	<b>1.133.216</b>	<b>7.842.717</b>	<b>2.012.495</b>	<b>5.830.222</b>	<b>5.830.222</b>	<b>5.830.222</b>	<b>5.830.222</b>	



## 2.7 Kết quả đầu tư tài chính tính đến 31/12/2018

STT	Nội dung	Giá trị đầu tư tài chính (tỷ đồng)			Số cổ phần, chiếm %	Tỷ lệ chia cổ tức 2018 (%)
		Số đầu kỳ	Phát sinh (+/-)	Số cuối kỳ		
1	Công ty CP ĐT XD Chánh Phú Hòa	95,54	46,01	141,55	7.729.167cp 43,12%	19% (1.900đồng/cp)
2	Công ty CP cấp nước Đồng Nai (DNW)	232,500	40,58	273,08	17.700.000cp 17,7%	8% (700đồng/cp)
3	Công ty Cổ phần tái chế vật liệu xanh (3R)	3,14	12,6	15,74	1.362.162cp 81,75%	
4	Tổng Công ty SX và XNK Bình Dương (PRT)	0	213,76	213,76	12.000.000 cp 4,00%	
5	Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ (TLP)	0	18,38	18,38	1.200.000cp 0,51%	
<b>Tổng cộng</b>		<b>331,18</b>	<b>331,33</b>	<b>662,51</b>		

## II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2018

Do các sản phẩm của công ty chủ yếu là các sản phẩm, dịch vụ công ích nên kết quả thực hiện các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù, thì ngoài nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính thì quan trọng hơn là những hiệu quả về mặt môi trường, hạ tầng đô thị góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo động lực phát triển cho tỉnh Bình Dương. Một số đánh giá kết quả thực hiện trong năm như sau:

### ❖ Cấp nước:

- Mặc dù Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời (bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 3/2018), Doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra và đã tập trung đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, nhưng hiệu quả đạt được chưa được như mong đợi, chỉ tiêu thực hiện về sản lượng tiêu thụ (đạt 91%) và số đầu nối khách hàng trong năm (đạt 82%) chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác thu gom và xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phân khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.

- Nguồn nhân lực ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.



- Tình hình biến động giá đất tăng rất nhanh trong thời gian năm 2018 đến nay làm ảnh hưởng phát sinh chi phí lớn và khó khăn cho công ty trong việc thực hiện giải phóng đền bù một số khu đất khi đầu tư mới như mở rộng nhà máy nước Tân Hiệp 4,5ha (117 tỷ đồng). Tuy nhiên hiện bồi thường chỉ đạt 72% (83 tỷ đồng) còn lại 4/12 hộ (33 tỷ đồng) chưa nhận tiền đền bù.

❖ **Rác thải:**

- Giá xử lý rác sinh hoạt được điều chỉnh tăng (bắt đầu từ tháng 10/2017). Công tác thu gom và xử lý rác trong năm có nhiều thuận lợi: lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, các sản phẩm gạch, phân bón Con Voi đều được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

- Việc quy hoạch 400 ha đất Tân Long – huyện Phú Giáo, thay vì được ưu đãi và nhận bàn giao đất sạch theo quy định thì công ty phải vay mượn vốn (khoảng 220 tỷ) để chi trả bồi thường.

❖ **Nước thải:**

- Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đầu nổi trong những năm tới.

❖ **Đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư ưu đãi và phù hợp cho các công trình mang tính công ích ngày càng khó khăn. Các ưu đãi về vốn hỗ trợ phát triển tại địa phương cho hình thức công ty cổ phần không còn.

- Đầu tư tài chính: liên quan đến đầu tư tài chính ngoài ngành, cụ thể tại công ty 3/2, Thành Lễ, 3R vẫn còn một số việc chưa như ý.

- Công trình xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng với giá trị khoảng 155 tỷ đồng chưa hoàn chỉnh phương án bán cũng như đối tượng được mua căn hộ nên chưa thể thu tiền nộp trước của người mua mà phải sử dụng vốn của công ty, tính đến 31/12/2018 công ty đã chi trên 62 tỷ đồng.

### **III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

#### **3.1 Nhận định tình hình kinh doanh năm 2019:**

**a. Thuận lợi :**

- Bình Dương đang có sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt tại khu trung tâm hành chính của tỉnh, huyện mới Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên, tình hình phát triển chung của thế giới có dấu hiệu tăng dần. Do vậy, cơ hội cung cấp các dịch vụ cấp, thoát nước, xử lý rác thải sẽ tăng theo. Ngoài ra, việc kinh doanh nước sạch ra ngoài tỉnh, tại huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước cũng có nhiều khởi sắc.
- Giá nước được áp dụng theo lộ trình hàng năm.
- Thương hiệu của Công ty đã tạo được uy tín trong thị trường. Trong đó phân bón Con voi ngày càng được các khách hàng tin tưởng sử dụng.
- Có đội ngũ CBCNV đoàn kết, năng nổ, tích cực làm việc. Công ty tạo được uy tín với người lao động.

**b. Khó khăn:**

- Giá cả đầu vào tăng cao, chi phí vốn đầu tư cao, nguồn vốn vay ưu đãi ngày càng khan hiếm.



- Nguồn nước ngày càng có dấu hiệu ô nhiễm, chi phí xử lý tăng và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy (Nước sông Sài Gòn – NMN Thủ Dầu Một);
- Các nhà máy nước đã được đầu tư mới nâng công suất, cần tăng cường công tác đấu nối khách hàng để tăng cường hiệu quả sử dụng. Một số nhà máy nước như Dĩ An, Thuận An, Phước Vĩnh, Dầu Tiếng có dấu hiệu thị trường, khách hàng tiêu thụ nước sạch mới không còn nhiều nên chỉ tiêu phát triển khách hàng cũng cần đánh giá, xem xét kỹ lưỡng. Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Uyên Hưng cũng đã hoạt động hết công suất → cần đầu tư mở rộng, tăng công suất cấp nước trong thời gian tới.
- Có nhiều hộ dân vẫn còn dùng giếng nước ngầm nên việc đấu nối đồng hồ khách hàng không còn nhiều, một số doanh nghiệp tại khu vực Tân Uyên còn hạn giấy phép khai thác nước ngầm, đăng ký sử dụng nước của công ty ít và mang tính đối phó.

### 3.2 Kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019

Vượt lên mọi khó khăn, tự cải tiến chính bản thân, từng người lãnh đạo, người quản lý, người công nhân luôn phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn. Từ đó, một số chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu: tăng 10% so với thực hiện năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế: tăng 10% so với thực hiện năm 2018.
- Nước thương phẩm: tăng 10% so với thực hiện năm 2018.
- Rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng 10% so với thực hiện năm 2018.
- Thu gom, xử lý nước thải: 15.500 m<sup>3</sup>/ngày (TDM).
- Khách hàng: tăng đạt 34.150 đầu nối.
- Thất thoát giảm toàn công ty: <= 5,75%/năm.
- Cổ tức mong đợi: 10% vốn điều lệ.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình trọng điểm. Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

### 3.5 Một số giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nâng cao nhận thức người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí.
- Triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyên giao thiết bị xử lý rác.
- Phát triển, mở rộng việc kinh doanh và tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị đối với các sản phẩm gạch con voi, phân bón con voi và nước đóng chai.
- Tự động hóa trong lĩnh vực cấp nước, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong xử lý nước, hoàn thiện đồng hồ ghi đọc tự động, hoàn thiện công tác hóa đơn điện tử và thu qua ngân hàng.
- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Chủ động triển khai phối hợp tốt với chính quyền địa phương, bám sát đối tượng sử dụng nước, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm.

- Phát động phong trào thi đua khen thưởng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, điều chỉnh thu nhập từng đợt phù hợp với hiệu quả công việc thực hiện để kích thích người lao động sáng tạo.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện điều kiện lao động. Ứng dụng công tác tin học để nâng cao hiệu quả quản lý, dịch vụ khách hàng.
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ quản trị, kiến thức về chứng khoán và pháp lý phù hợp với hình thức công ty cổ phần.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2019.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.


**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Trần Chiến Công**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT  
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2018	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.476.521.530.699</b>	<b>1.515.245.023.282</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	166.745.863.786	270.025.171.262
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	176.300.000.000	171.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	760.395.556.420	756.823.391.658
140	IV. Hàng tồn kho	367.601.277.041	312.473.720.179
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	5.478.833.452	4.622.740.183
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>12.221.106.004.372</b>	<b>9.554.352.083.504</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	30.262.623.942	13.788.325.205
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>4.257.365.887.431</b>	<b>4.006.565.452.956</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4.172.889.989.982	3.921.105.575.047
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-
227	3. Tài sản cố định vô hình	84.475.897.449	85.459.877.909
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>7.280.481.940.607</b>	<b>5.154.022.065.631</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.280.481.940.607	5.154.022.065.631
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	604.353.765.435	320.075.556.009
260	VI. Tài sản dài hạn khác	48.641.786.957	59.900.683.703
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>13.697.627.535.071</b>	<b>11.069.597.106.786</b>
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>9.630.960.663.981</b>	<b>7.678.869.032.497</b>

310	I. Nợ ngắn hạn	2.425.000.342.406	1.759.418.478.012
330	II. Nợ dài hạn	7.205.960.321.575	5.919.450.554.485
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>4.066.666.871.090</b>	<b>3.390.728.074.289</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>4.066.066.453.694</b>	<b>3.390.099.749.393</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	72.324.893.590	
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	208.225.200.500	186.675.685.027
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	2.285.516.359.604	1.703.424.064.366
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>600.417.396</b>	<b>628.324.896</b>
431	1. Nguồn kinh phí	520.280.000	520.280.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	80.137.396	108.044.896
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>13.697.627.535.071</b>	<b>11.069.597.106.786</b>

**Ghi chú:** Công ty đã nhận được Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương và đã điều chỉnh các thay đổi về tài sản, nguồn vốn theo Biên bản kiểm tra quyết toán bàn giao từ DNNN sang Công ty cổ phần trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017. Tuy nhiên, do chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền về việc xử lý, bàn giao các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp nên tại thời điểm 31/12/2018, Công ty vẫn tạm giữ hộ và theo dõi, ghi nhận các tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn này trên Báo cáo tài chính hợp nhất với tổng số tiền lần lượt là 6.478.904.718.075 VND; 4.944.073.921.883 VND và 1.534.830.796.192 VND.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.171.817.061.711	1.795.861.124.399
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.171.817.061.711	1.795.861.124.399
11	Giá vốn hàng bán	1.309.033.892.919	1.145.951.496.846
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	862.783.168.792	649.909.627.553
21	Doanh thu hoạt động tài chính	35.049.372.663	37.745.008.150
22	Chi phí tài chính	184.583.337.652	87.010.455.133
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	130.830.308.403	92.628.932.575
25	Chi phí bán hàng	270.431.867.551	267.643.228.208



26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	108.370.944.274	101.516.786.922
<b>30</b>	<b>1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>334.446.391.978</b>	<b>231.484.165.440</b>
31	1. Thu nhập khác	40.201.760.595	24.417.069.616
32	1. Chi phí khác	24.055.274.897	17.897.330.820
<b>40</b>	<b>1. Lợi nhuận khác</b>	<b>16.146.485.698</b>	<b>6.519.738.796</b>
<b>50</b>	<b>2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>350.592.877.676</b>	<b>238.003.904.236</b>
51	2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.367.677.176	31.490.049.873
52	2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
<b>60</b>	<b>3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>313.225.200.500</b>	<b>206.513.854.363</b>

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2018 (1)	Năm 2017 (2)	Chênh lệch (1)/(2)
Tổng tài sản	13.697.627.535.071	11.069.597.106.786	124%
Tài sản loại	6.478.904.718.075	5.708.181.401.234	114%
Doanh thu thuần	2.171.817.061.711	1.795.861.124.399	121%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	334.446.391.978	231.484.165.440	144%
Lợi nhuận khác	16.146.485.698	6.519.738.796	248%
Lợi nhuận trước thuế	350.592.877.676	238.003.904.236	147%
Lợi nhuận sau thuế	313.225.200.500	206.513.854.363	152%
<b>1. Chỉ số khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,61	0,86	
<b>2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,70	0,69	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,37	2,27	
<b>3. Chỉ số về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	3,85	3,90	
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản-Ts loại	0,30	0,33	
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14%	11%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8%	6%	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản-TS loại	4%	4%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	15%	13%	

#### Ghi chú:

**Khả năng thanh toán nợ: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn = 1.476.521 trđ/2.425.000 trđ = 61 %**  
→ Khả năng thanh toán nợ = 0,61 < 1 lần. Hệ số này cho thấy tại thời điểm 31/12/2018, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty chỉ đạt 61%, tuy nhiên trong tổng số 2.425 tỷ đồng nợ phải trả có 843 tỷ đồng ngân sách cho Công ty tạm ứng để thanh toán cho dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Dĩ An. Số tiền này Công ty đã trả lại ngân sách từ tiền tài trợ cho dự án (NS cấp phát), đồng thời nợ ngắn hạn trên còn có 403 tỷ đồng phải trả cho các nhà thầu thi công các dự án. Chi phí dở dang liên quan đến 403 tỷ đồng này khi tổng hợp báo cáo tài chính thể hiện ở chỉ tiêu tài sản dài hạn, trong khi đó số nợ phải trả thể hiện trên chỉ tiêu nợ phải trả ngắn hạn.

Do vậy, sau khi nợ ngắn hạn trừ đi 2 khoản phải trả trên (843 tỷ + 403 tỷ) thì hệ số tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = 1.476.521 tr / (2.425.000 tr - 843.003 tr đồng - 403.938 tr đồng) = 125 % → Khả năng thanh toán nợ = 1,25 > 1 lần. Hệ số này cho thấy Công ty đảm bảo có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Mộng Thường

Kế toán trưởng



Trần Tấn Đức

Tổng Giám đốc



Trần Chiến Công



*Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 2 năm 2019*

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2018.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2018. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình đại hội như sau:

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **1.1 Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ:**

Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông bầu cử, hiện tại gồm 3 thành viên:

1. Bà Dương Anh Thư - Trưởng ban.
2. Trần Thị Kim Oanh – Thành viên.
3. Nguyễn Đức Bảo – Thành viên.

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công ty, thực hiện theo các quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý công nợ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT công ty ban hành và đề nghị sửa đổi phù hợp.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo trình tự quy định hiện hành.

- Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý, Ban Kiểm soát phối hợp và hỗ trợ với các phòng ban chuyên môn để hỗ trợ, tham mưu HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các đơn vị trực thuộc thực hiện hiệu quả công việc và phù hợp quy định, qua đó cơ bản đạt các chỉ tiêu được giao tại ĐHĐCĐ năm 2018.

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác tổ chức kế toán, Kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm, các hợp đồng, các chứng từ kế toán, các báo cáo tài chính quý và năm 2018 của Công ty.

- Theo dõi tình hình hoạt động của các công ty có vốn góp của BIWASE.
- Tham dự, giám sát các cuộc họp của HĐQT và các công việc khác.



## **1.2 Công tác Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:**

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành 24 cuộc họp, với nội dung họp bàn và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các nội dung chủ yếu họp bàn về quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất, xác định mức cổ tức tạm ứng và tổ chức chi trả cổ tức năm 2018 và quyết định một số vấn đề kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định.

## **1.3 Kế hoạch, định hướng công tác BKS năm 2019.**

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ, Phối hợp, kiểm tra, kiểm soát liên quan đến công tác sử dụng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư sử dụng được hiệu quả, kiểm toán năng lượng, công tác quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và các hoạt động khác của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát trình tự, pháp lý và hiệu quả thực hiện công tác đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty. Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành đúng hướng dẫn của nhà nước về trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn, minh bạch, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành nâng cao hiệu quả các dự án, công trình.

- Giám sát, thực hiện công tác pháp lý, công bố thông tin phù hợp với hình thức của công ty đại chúng quy mô lớn.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành thực hiện công tác quản trị công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

## **II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

### **2.1 Công tác quản lý của Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung họp và nghị quyết tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp bổ sung và có thông tin cho Ban Kiểm soát.

### **2.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

**2.3 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành và Cổ đông.**



Trong năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành.

Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

### III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

#### 3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm kiểm soát, BCTC năm 2018 của Công ty đã được Đơn vị kiểm toán độc lập hoàn chỉnh gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản phải nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2018.

Căn cứ báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi xem xét kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Một số nội dung liên quan đến việc chuyển nợ dài hạn - ngắn hạn trong dự thảo BCTC 2018 Ban kiểm soát đề nghị đã được hiệu chỉnh hạch toán tài khoản phù hợp.

+ Các chứng từ kế toán được thực hiện đầy đủ và lưu giữ gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Các biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.

+ Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

+ Các số liệu báo cáo tài chính năm 2018 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

#### 3.2. Nhận xét kết quả báo cáo tài chính năm 2018.

##### 3.2.1. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : đồng.

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Mức tăng (+/-)	Mức tăng (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,795,861,124,399	2,171,817,061,711	375,955,937,312	21%
2. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,795,861,124,399	2,171,817,061,711	375,955,937,312	21%
3. Giá vốn hàng bán	1,145,951,496,846	1,309,033,892,919	163,082,396,073	14%
4. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	649,909,627,553	862,783,168,792	212,873,541,239	33%
5. Doanh thu hoạt động tài chính	37,745,008,150	35,049,372,663	-2,695,635,487	-7%
6. Chi phí tài chính	87,010,455,133	184,583,337,652	97,572,882,519	112%
7. Chi phí bán hàng	267,643,228,208	270,431,867,551	2,788,639,343	1%



8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	101,516,786,922	108,370,944,274	6,854,157,352	7%
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>231,484,165,440</b>	<b>334,446,391,978</b>	<b>102,962,226,538</b>	<b>44%</b>
10. Thu nhập khác	24,417,069,616	40,201,760,595	15,784,690,979	65%
11. Chi phí khác	17,897,330,820	24,055,274,897	6,157,944,077	34%
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>6,519,738,796</b>	<b>16,146,485,698</b>	<b>9,626,746,902</b>	<b>148%</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>238,003,904,236</b>	<b>350,592,877,676</b>	<b>112,588,973,440</b>	<b>47%</b>
<b>14. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>31,490,049,873</b>	<b>37,367,677,176</b>	<b>5,877,627,303</b>	<b>19%</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN</b>	<b>206,513,854,363</b>	<b>313,225,200,500</b>	<b>106,711,346,137</b>	<b>52%</b>

Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2018 so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so với KH
		(1)	(2)	(3=2/1)
<b>1. Tổng Doanh thu</b>	Tỷ đồng	2.044	<b>2.247</b>	110%
<b>2. Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	262	<b>238</b>	110%
<b>3. Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	227	<b>313</b>	138%
<b>4. Sản lượng nước tiêu thụ</b>	m <sup>3</sup>	144.126.000	<b>131.661.233</b>	86%
<b>5. Đầu nối khách hàng</b>	KH	38.298	<b>31,398</b>	82%
<b>6. Thất thoát nước</b>	%	6,5	<b>5,75</b>	Giảm 0,75%
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	đ/cổ phiếu	1.587	<b>1.733</b>	109%

#### Nhận xét:

Thực hiện theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2018, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy và mạng lưới cấp nước, tăng cường đầu nối khách hàng cũng như thực hiện điều chỉnh giá nước phù hợp. Kết quả tổng doanh thu 2018 thực hiện đạt **2.247** tỷ đồng, tăng so với năm 2017 là 21% và đạt 110% kế hoạch được giao tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 (2.044 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 313 tỷ đồng, đạt 152% so với năm 2017 (206 tỷ đồng) và 138% kế hoạch được giao (262 tỷ đồng).

Kết quả thất thoát nước trong năm 2018 đạt vượt chỉ tiêu, thấp hơn 0,75% so với kế hoạch. Tuy nhiên, sản lượng nước tiêu thụ trong kỳ chỉ đạt 86% kế hoạch và số đầu nối khách hàng chỉ đạt 82% kế hoạch được giao.



Đánh giá một số chỉ tiêu hoạt động năm 2018:

+ **Tỷ suất lợi sau thuế trên doanh thu** = Lợi nhuận sau thuế/doanh thu =

**ROS** = 313/2.247 tỷ đồng = **14%** (ROS năm 2017: 11,5%). Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)** = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân

**ROE** = 313 tỷ đồng / (4.067 tỷ đồng + 3.390 tỷ đồng) / 2 = **8,4%** (ROE năm 2017: 6,65%).

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)** = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (trừ TS loại ra)

**ROA** = 313 tỷ đồng / 7.217,9 tr VND = **4,3%** (ROA năm 2017: 3,85 %)

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA như tính toán trên đều cao hơn so với năm 2017 và hiệu quả hoạt động công ty theo đánh giá đạt khá cao so với năm trước cũng như so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành.

### 3.2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018:

Mã số	TÀI SẢN	2018 Tr VND	2017 Tr VND	So với năm 2017	
				Mức tăng	Mức tăng
				(+/-)	(%)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.476.521</b>	<b>1.515.245</b>	<b>-38.724</b>	<b>-2,6</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	166.746	270.025	-103.279	-38,2
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	176.300	171.300	5.000	2,9
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	760.395	756.823	3.572	0,5
140	IV. Hàng tồn kho	367.601	312.474	55.127	17,6
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	5.479	4.623	856	18,5
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>12.221.106</b>	<b>9.554.352</b>	<b>2.666.754</b>	<b>27,9</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	30.263	13.788	16.475	119,5
220	II. Tài sản cố định	4.257.365	4.006.566	250.799	6,3
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	7.280.482	5.154.022	2.126.460	41,3
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	604.354	320.076	284.278	88,8
260	V. Tài sản dài hạn khác	48.642	59.900	-11.258	-18,8
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>13.697.627</b>	<b>11.069.597</b>	<b>2.628.030</b>	<b>23,7</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>9.630.960</b>	<b>7.678.870</b>	<b>1.952.090</b>	<b>25,4</b>
310	I. Nợ ngắn hạn	2.425.000	1.759.419	665.581	37,8
330	II. Nợ dài hạn	7.205.960	5.919.451	1.286.509	21,7
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>4.066.667</b>	<b>3.390.727</b>	<b>675.940</b>	<b>19,9</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	4.066.066	3.390.099	675.967	19,9
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	601	628	-27	-4,3
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>13.697.627</b>	<b>11.069.597</b>	<b>2.628.030</b>	<b>23,7</b>



## Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu kế toán:

+ **Khả năng thanh toán nợ:** Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn =  $1.476.521 \text{ trđ} / 2.425.000 \text{ trđ} = 61\% \rightarrow$  Khả năng thanh toán nợ = **0,61** < 1 lần. Hệ số này cho thấy tại thời điểm 31/12/2018, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty chỉ đạt 61%, tuy nhiên trong tổng số 2.425 tỷ đồng nợ phải trả có 843 tỷ đồng vốn ngân sách cho Công ty tạm ứng để thanh toán cho dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Dĩ An. Số tiền này Công ty đã trả lại ngân sách vào tháng 1/2019 từ tiền tài trợ cho dự án (NS cấp phát), đồng thời khoản nợ ngắn hạn trên còn có 403 tỷ đồng là khoản phải trả cho nhà thầu thi công các dự án khác từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Chi phí dở dang liên quan đến khoản phải trả 403 tỷ đồng này khi tổng hợp báo cáo tài chính thể hiện ở chỉ tiêu tài sản dài hạn, trong khi số nợ phải trả thể hiện ở chỉ tiêu nợ phải trả ngắn hạn.

Do vậy, sau khi nợ ngắn hạn trừ đi 2 khoản phải trả trên (843 tỷ + 403 tỷ) thì hệ số tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn =  $1.476.521 \text{ trđ} / (2.425.000 \text{ tr} - 843.003 \text{ tr} - 403.938 \text{ tr}) = 125\% \rightarrow$  Khả năng thanh toán nợ = **1,25** > 1 lần. Hệ số này cho thấy Công ty đảm bảo có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

+ **Hệ số tài sản dài hạn/nợ dài hạn:** Giá trị tài sản dài hạn/nợ dài hạn =  $12.221.106 \text{ tr} / 7.205.960 \text{ tr} = 1,69$  lần. Công ty có đủ và vượt khả năng thanh toán nợ dài hạn.

+ **Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:** Nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu =  $9.630.960 \text{ Tr} / 4.066.666 \text{ Tr} = 2,37$  lần. Tỷ lệ này cao, tuy nhiên vẫn nằm trong hệ số an toàn (hệ số cho phép là không quá 3 lần).

## **IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ.**

### **4.1. Nhận xét, đánh giá**

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng như chỉ tiêu Tổng doanh thu (đạt 110%), Lợi nhuận sau thuế đạt 138%, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 109%, chỉ tiêu thất thoát nước (đạt 5,75%) đạt và vượt mức kế hoạch năm 2018. Tuy nhiên chỉ tiêu phát triển đầu nổi khách hàng sử dụng nước vẫn chưa đạt như mong đợi (đạt 82%), chỉ tiêu khối lượng nước sạch tiêu thụ (đạt 86%).

- Ngoài ra, công ty đã thực hiện chấp hành tốt việc công bố thông tin phù hợp quy định của công ty đại chúng có quy mô lớn cũng như thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác đều được thực hiện theo quy định.

### **4.2. Kiến nghị:**

1. Có giải pháp xử lý đối với các mặt hàng tồn kho không còn hiệu quả sử dụng cũng như tránh việc tồn kho hàng hóa, vật tư lớn. Cũng như cần đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá các sản phẩm sản xuất, qua đó góp phần phát triển thương hiệu BIWASE và tăng khả năng thanh khoản của cổ phiếu BWE.

2. Cần có giải pháp phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện đối chiếu đầy đủ, kịp thời phần công nợ phải thu để tăng vòng quay vốn nhanh hơn.

3. Việc mở rộng, phát triển các hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2018 đạt hiệu quả tốt cần tiếp tục phát huy, tuy nhiên cũng cần cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng việc đầu tư tài chính vào các đơn vị lĩnh vực ngoài ngành để việc phát huy hiệu quả sử dụng vốn được tốt hơn.



4. Sớm hoàn chỉnh cơ chế, hình thức quản lý đối với lĩnh vực nước thải để thực hiện bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước cho phù hợp với đối với các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp mà công ty đang làm chủ đầu tư.

5. Nhanh chóng hoàn chỉnh phương án và xác định các đối tượng thụ hưởng từ dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cà công viên cây xanh 12 tầng tại phường An Phú - Thuận An- Bình Dương (bao gồm 3 tầng kinh doanh, dịch vụ phía dưới và 9 tầng ở với tổng cộng 262 căn hộ, 17.667,7 m<sup>2</sup> sàn, tổng với đầu tư trên 155 tỷ đồng.) để có thể thu hồi phần vốn đầu tư và làm giảm áp lực tài chính của công ty đầu tư vào công trình trên. (theo ghi nhận tại sổ sách kế toán đến ngày 31/12/2018 tổng chi phí của công ty đã chi trên 62 tỷ đồng và tiếp tục phát sinh đến nay).

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua về công tác kiểm tra giám sát tình hình hoạt động năm 2018 của Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương, kính báo cáo trước đại hội.

Trân trọng kính chào!

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**TRƯỞNG BAN**



**Dương Anh Thư**

Số: 281 TT/HDQT

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 5 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ-HĐQT ngày 20/03/2018 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- Căn cứ BCTC năm 2018 của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty AASC.

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau :

1./ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 (LNST).	: 313.225.200.500 đ
2./ Trích các quỹ	: 172.273.860.275 đ
- Quỹ Đầu tư phát triển 35% LNST	: 109.628.820.175 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 46.983.780.075 đ
- Quỹ thưởng của người quản lý	: 15.661.260.025 đ
3./ Lợi nhuận sau thuế 2018 còn lại được chia cổ tức	: 140.951.340.225 đ
4./ Chia cổ tức năm 2018 (7% trên vốn điều lệ đã góp)	: 105.000.000.000 đ
5./ Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	: 35.951.340.225 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.





## TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2019.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN và các quỹ năm 2019 như sau :

### I./ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.

- |  |                                |
|--|--------------------------------|
| 1. Dự kiến chia cổ tức năm 2019  | : 10% trên vốn điều lệ đã góp. |
| 2. Trích các quỹ   | : 55% LNST                     |
| a. Quỹ đầu tư phát triển   | : 35% LNST                     |
| b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi   | : 15% LNST                     |
| - Quỹ khen thưởng  | : 14% LNST                     |
| - Quỹ phúc lợi   | : 1% LNST                      |
| c. Quỹ thưởng người quản lý  | : 5% LNST                      |
| 3. Lợi nhuận còn lại sau phân phối sẽ bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển. |                                |

### II./ Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty năm 2019.

- |  |                  |
|--|------------------|
| 1. Quỹ tiền lương của người lao động                                       | : 11% Doanh thu  |
| 2. Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty. | : 0,4% Doanh thu |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Nguyễn Văn Thiên

Số: 222 TT/HDQT

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 3 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

V/v thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2019.

### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Căn cứ mức thù lao của HDQT, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2018.

Nay Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành với số lượng nhân sự cụ thể như sau :

STT	Chi tiết	Số lượng
<b>I</b>	<b>Tiền lương</b>	
1	Chủ tịch HDQT chuyên trách	01
2	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	01
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>	
1	Thành viên HDQT không chuyên trách	06
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02
3	Thư ký Hội đồng quản trị	01

Công ty sẽ chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG  
BÌNH DƯƠNG  
TP. THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG  
Nguyễn Văn Thiên



Số: 283 /TT. HDQT

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 3 năm 2019

## TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán  
Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là **Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC**

Công ty Kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Nguyễn Văn Thiên

Số: 281 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 3 năm 2019

## TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ  
của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương lần thứ ba.

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP trong đó quy định về điều lệ mẫu của công ty cổ phần.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty cho phù hợp.

Nay Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Nội dung sửa đổi như sau:

**1. Các Điều, Khoản sửa đổi:**

Chi tiết các Điều khoản sửa đổi: theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

**2. Các Điều, Khoản khác của Điều lệ (không nằm trong Phụ lục sửa đổi trên):**

Không thay đổi (Giữ nguyên các Điều, Khoản như Điều lệ - chỉnh sửa lần thứ 2 năm 2018).

**3. Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi:** Thực hiện và có hiệu lực kể từ ngày ĐHCĐ năm 2019 thông qua.

**4. Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương** gồm 21 Chương 57 Điều được đăng tải trên Website Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



Nguyễn Văn Thiên



**PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
*(Đính kèm Tờ trình số: ...../TTr-HDQT ngày ...../03/2019)*

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p><b>Khoản 4 Điều 2:</b> Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 2:</b> Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>Công ty có <b>01</b> người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>Công ty có <b>02</b> người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</p>	

Số: 286 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 04 tháng 5 năm 2019

## TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế quản trị  
của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương lần thứ nhất.

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP trong đó quy định về Quy chế quản trị của Công ty cổ phần.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung của Quy chế quản trị Công ty cho phù hợp.

Nay Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty theo hướng dẫn tại thông tư số 95/2017/TT-BTC. Nội dung sửa đổi như sau:

### 1. Các Điều, Khoản sửa đổi:

Chi tiết các Điều khoản sửa đổi: theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

### 2. Các Điều, Khoản khác của quy chế Quản trị (không nằm trong Phụ lục sửa đổi trên):

Không thay đổi (Giữ nguyên các Điều, Khoản như trong Quy chế quản trị được ĐHĐCĐ thông qua năm 2018).

### 3. Hiệu lực của quy chế sửa đổi:

Thực hiện và có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua.

### 4. Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương gồm 9 Chương 42 Điều được đăng tải trên Website Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, phê chuẩn./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.





**PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ LẦN THỨ NHẤT  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

(Đính kèm Tờ trình số: *SSG.../TTr-HDQT* ngày *24/03/2019*)

Quy chế đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Cứ pháp lý
<p><b>Chương VII: Giám sát và xử lý vi phạm</b></p> <p><b>Điều 34. Giám sát</b>                      Các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 35. Xử lý vi phạm</b>                      Các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Bổ chương VII: Giám sát và xử lý vi phạm</b></p>	<p>TT 95/2017/T T-BTC ngày 22/9/2017</p>
	<p><b>Bổ sung Chương VII: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành Doanh nghiệp</b></p> <p><b>Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b>                      Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp phải có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được bổ nhiệm phụ trách và theo các quy chế, quy định, điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp.                      Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>TT 95/2017/T T-BTC ngày 22/9/2017</p>



Quy chế đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Cứ pháp lý
	<p><b>Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>  Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p><b>Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</b>  Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p><b>Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>  Việc miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật lao động.</p> <p><b>Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</li> <li>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</li> <li>3. Tổng giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>b) Quyết định các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt</li> </ol> </li> </ol>	



Quy chế đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Cứ pháp lý
	<p>động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f) Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p> <p>g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	



Quy chế đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Cứu pháp lý
	<p><b>Bổ sung Chương VIII: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</b></p> <p><b>Điều 39. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý</b></p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.</li> <li>b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.</li> <li>c. Hoàn thành nhiệm vụ</li> <li>d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.</li> </ol> <p><b>Điều 40. Khen thưởng</b></p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 53.</p> <p>2. Chế độ khen thưởng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Bằng tiền.</li> <li>b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).</li> <li>3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.</li> </ol>	<p>thông tư số 95/2017/T T-BTC ngày 22/9/2017</p>



Quy chế đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Cứu pháp lý
<p><b>Chương VIII: Tổ chức thực hiện</b> <b>Điều 36.</b> Tổ chức thực hiện</p>	<p>4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p> <p><b>Điều 41. Giám sát, xử lý vi phạm và kỷ luật</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</li> <li>2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự can trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.</li> <li>3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.</li> </ol> <p><b>Điều chỉnh thành Chương IX: Tổ chức thực hiện</b> <b>Điều 42.</b> Tổ chức thực hiện</p>	



**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

# PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông:

- ❖ Số lượng cổ phần sở hữu:
- ❖ Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:
- ❖ Tổng số lượng cổ phần biểu quyết:

(Quý Cổ đông đánh dấu (✓) vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

TT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không Đồng ý	Không ý kiến
1.	Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Thông qua Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Thông qua tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7.	Thông qua tờ trình Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8.	Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9.	Thông qua tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ (kèm Phụ lục).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10.	Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương (kèm Phụ lục).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11.	Thông qua Biên bản và Nghị Quyết của Đại Hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Bình Dương, ngày 15/03/2019  
CÓ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
(Ký tên)